

Số: /KH-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Thực hiện Công văn số 1792/BNMT-KHCN ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 372/SNNMT-CCTL ngày 16 tháng 4 năm 2026.

Để đảm bảo yêu cầu công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, phát triển thị trường và chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, gồm những nội dung chính như sau:

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Luật An toàn thực phẩm năm 2010;

Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025;

Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc;

Quyết định số 2815/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên triển khai ngay;

Quyết định số 25/QĐ-BNNMT ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về ban hành Kế hoạch triển khai truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản;

Công văn số 1792/BNMT-KHCN ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản;

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Quyết định số 25/QĐ-BNNMT ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về ban hành Kế hoạch triển khai truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Ninh Bình; triển khai đồng bộ hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối trên địa bàn tỉnh; nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm và minh bạch thông tin sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn gắn với áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc; thúc đẩy phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của tỉnh và hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã và chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản có áp dụng truy xuất nguồn gốc, góp phần nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

- Làm cơ sở để các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch chi tiết, tổ chức triển khai thống nhất, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch hàng năm trong giai đoạn 2026-2030, định hướng đến 2035.

2. Yêu cầu

- Bám sát định hướng, nội dung và yêu cầu kỹ thuật của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Ninh Bình.

- Xác định rõ lộ trình, nhiệm vụ, giải pháp, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị. Bảo đảm tính khả thi, đồng bộ giữa hạ tầng công nghệ, cơ sở dữ liệu, quy trình nghiệp vụ và nguồn nhân lực. Việc triển khai phải gắn với công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, xây dựng vùng nguyên liệu, phát triển sản phẩm an toàn, sản phẩm OCOP, xúc tiến thương mại và chuyển đổi số nông nghiệp.

- Khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất và các chủ thể có liên quan theo hướng xã hội hóa, lấy doanh nghiệp và chuỗi giá trị làm trung tâm triển khai.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Từng bước hoàn thiện và triển khai đồng bộ hệ thống quy định, hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

b) Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về thể chế, hạ tầng công nghệ, dữ liệu, nhân lực và tổ chức thực hiện nhằm triển khai hiệu quả hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản trên địa bàn tỉnh; bảo đảm kết nối, liên thông với hệ thống của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Cổng truy xuất nguồn gốc quốc gia.

c) Nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh về sự cần thiết, tính hiệu quả của việc áp dụng truy xuất

nguồn gốc nông sản thông qua các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, đào tạo, tập huấn cho các đối tượng liên quan.

d) Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động truy xuất nguồn gốc nông sản nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và môi trường; góp phần nâng cao giá trị, khả năng cạnh tranh các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối của tỉnh.

e) Xây dựng và nhân rộng các mô hình chuỗi sản xuất, cung ứng sản phẩm nông lâm thủy sản đáp ứng đầy đủ các quy định truy xuất nguồn gốc, chất lượng và an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật, góp phần nâng cao giá trị và uy tín các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối của tỉnh Ninh Bình.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến hết năm 2026

- Vận hành, tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc nông sản trên địa bàn tỉnh, bảo đảm thu thập, chuẩn hóa, lưu trữ và quản lý dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, kiểm tra, giám sát và thống kê.

- Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn, quy chế quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức đánh giá, hoàn thiện và từng bước mở rộng áp dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản đối với các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối, thực phẩm quan trọng trên địa bàn tỉnh; bảo đảm hệ thống có các thông tin cơ bản như: Thông tin cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia chuỗi; Thông tin vùng sản xuất, thời gian sản xuất và thu hoạch; Thông tin các khâu trong quá trình sản xuất, chế biến, phân phối; Thông tin về tem truy xuất nguồn gốc điện tử và cơ chế tra cứu thông tin thông qua mã QR hoặc các phương thức phù hợp.

- Triển khai áp dụng nhật ký sản xuất, nhật ký canh tác/nhật ký điện tử tại các vùng sản xuất nông sản chủ lực; từng bước kiểm soát các yếu tố đầu vào trong sản xuất như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi và các vật tư nông nghiệp khác. Tổ chức thí điểm triển khai truy xuất nguồn gốc đối với một số sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và sản phẩm có chuỗi liên kết. Tối thiểu 30-40% doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, kinh doanh nông sản chủ lực tham gia hệ thống.

- Đầu tư hoặc thuê dịch vụ công nghệ thông tin, trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật phục vụ việc xây dựng, vận hành hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt và an toàn thông tin.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân về lợi ích và tầm quan trọng của việc áp dụng truy xuất nguồn gốc gắn với bảo đảm an toàn thực phẩm.

b) Giai đoạn 2027-2030

- Đến năm 2030: 100% sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP ưu tiên áp dụng truy xuất nguồn gốc; 70-80% cơ sở sản xuất tham gia hệ thống.

- Nâng cấp, hoàn thiện các chức năng của Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của tỉnh, bảo đảm ghi nhận và quản lý thông tin tại các khâu chính của chuỗi cung ứng (sản xuất - thu mua - sơ chế/đóng gói - vận chuyển - phân phối) và truy xuất thông tin thông qua mã QR hoặc các phương thức phù hợp.

- Tiếp tục đầu tư hoặc thuê dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định, an toàn, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu truy xuất thông tin của tổ chức, cá nhân.

- Kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia và các hệ thống truy xuất nguồn gốc của các bộ, ngành và địa phương.

- Xây dựng danh mục các sản phẩm nông sản chủ lực, sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc trưng của tỉnh cần ưu tiên triển khai truy xuất nguồn gốc; từng bước hình thành chuỗi truy xuất nguồn gốc nông sản.

- Hình thành và vận hành cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc tập trung, dùng chung trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; bảo đảm thu thập, chuẩn hóa, lưu trữ và quản trị dữ liệu truy xuất nguồn gốc (danh mục dùng chung, chất lượng dữ liệu, siêu dữ liệu, phân quyền truy cập, an toàn thông tin), phục vụ công tác quản lý nhà nước, kiểm tra, giám sát, thống kê và phân tích.

- Trên cơ sở dữ liệu đã được chuẩn hóa, triển khai các công cụ phân tích, tổng hợp, giám sát và cảnh báo sớm; hỗ trợ công tác quản lý, điều hành, phát hiện bất thường và rủi ro trong chuỗi cung ứng nông sản; ứng dụng các phương pháp phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) ở mức hỗ trợ, phục vụ truy vết, giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm và quản lý thị trường theo quy định.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức của xã hội, các tổ chức, doanh nghiệp và người dân về vai trò và lợi ích của truy xuất nguồn gốc nông sản gắn với bảo đảm an toàn thực phẩm.

c) Định hướng đến năm 2035

- Hoàn thiện Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của tỉnh Ninh Bình; mở rộng áp dụng đối với các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và sản phẩm nông nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh, tích hợp với các hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm và thương mại điện tử.

- Bảo đảm hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh được kết nối, liên thông với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia, và các hệ thống thông tin có liên quan.

- Khuyến khích, mở rộng sự tham gia của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong việc áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản, góp phần nâng cao chất lượng, uy tín và khả năng cạnh tranh của nông sản tỉnh Ninh Bình.

- Từng bước khai thác và sử dụng dữ liệu truy xuất nguồn gốc phục vụ công tác quản lý nhà nước, phục vụ dự báo thị trường, điều hành sản xuất, thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp và nâng cao hiệu quả quản lý chuỗi cung ứng nông sản.

IV. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện: Việc triển khai Hệ thống truy xuất nguồn gốc trong Kế hoạch này được áp dụng đối với các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối; vật tư nông nghiệp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, bao gồm các khâu sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ; ưu tiên áp dụng đối với nhóm sản phẩm chủ lực, sản phẩm có nguy cơ rủi ro cao, sản phẩm xuất khẩu và sản phẩm tham gia chuỗi cung ứng hiện đại trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Đối tượng

- Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, HTX, cơ sở, các chủ thể sản xuất OCOP tham gia sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc nông sản, thực phẩm.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026 đến năm 2035.

- Giai đoạn trọng tâm triển khai: 2026-2030;

- Giai đoạn hoàn thiện, mở rộng và tích hợp: 2031-2035.

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý, tài liệu hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc nông sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

a) Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh liên quan đến hoạt động truy xuất nguồn gốc nông sản; tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh;

b) Xây dựng, ban hành Quy chế quản lý, khai thác, cập nhật, xác thực và sử dụng dữ liệu truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh

c) Tổ chức triển khai, phổ biến và hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các quy định của Trung ương về truy xuất nguồn gốc nông sản; Xây dựng quy trình kiểm tra, xác thực dữ liệu; nghiên cứu, vận dụng các quy định, thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện sản xuất và quản lý trên địa bàn tỉnh.

d) Thiết lập và hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát, xác thực và hậu kiểm dữ liệu truy xuất nguồn gốc, nhằm bảo đảm tính chính xác, minh bạch, nâng cao độ tin cậy của thông tin sản phẩm và phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước. Chuẩn hóa tiêu chí thông tin truy xuất.

2. Xây dựng hoặc thuê dịch vụ, hạ tầng, trang thiết bị để triển khai Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản ngành nông nghiệp và môi trường

Việc triển khai Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo hình thức đầu tư hoặc thuê dịch vụ công nghệ thông tin, phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tiễn của địa phương; bảo đảm tính linh hoạt, khả năng mở rộng và hiệu quả trong quản lý, vận hành, khai thác hệ thống. Trên cơ sở đánh giá kết quả triển khai, khi cần thiết sẽ nghiên cứu, đề xuất phương án đầu tư xây dựng hệ thống theo quy định. Trên cơ sở đó, tổ chức thực hiện các nội dung sau:

a) Thiết kế, xây dựng và phát triển các công cụ truy xuất nguồn gốc điện tử (mã số, mã vạch, QR code và các công nghệ phù hợp), gắn với xây dựng cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc nông sản trên địa bàn tỉnh; từng bước kết nối, tích hợp, đồng bộ với cơ sở dữ liệu của các sở, ngành, địa phương và hệ thống truy xuất nguồn gốc của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

b) Tổ chức triển khai áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

c) Đầu tư hoặc thuê dịch vụ hệ thống, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật nhằm bảo đảm hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh hoạt động ổn định, thông suốt, an toàn và bảo mật thông tin.

d) Xây dựng, đề xuất danh mục các nhóm sản phẩm nông, lâm, thủy sản chủ lực, sản phẩm OCOP và các sản phẩm đặc trưng của tỉnh cần ưu tiên triển khai truy xuất nguồn gốc; từng bước hình thành chuỗi truy xuất nguồn gốc hoàn chỉnh, bảo đảm kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

e) Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ phù hợp để hỗ trợ quản lý, xác thực thông tin vùng sản xuất, cơ sở sản xuất và dữ liệu liên quan đến truy xuất nguồn gốc.

f) Kiểm soát, theo dõi các sản phẩm, hàng hóa nông sản đang đăng ký trên Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản, phục vụ thống kê, dự báo thị trường, theo dõi luồng di chuyển để kiểm soát chất lượng, tình trạng hoạt động của các cơ sở sản xuất kinh doanh đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

g) Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp tham gia vào Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản được thuận lợi.

h) Bảo đảm việc thiết kế, xây dựng và triển khai hệ thống tuân thủ các quy định về kiến trúc chính quyền điện tử, chuyển đổi số của tỉnh và các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

3. Hợp tác, tiếp nhận, trao đổi và hỗ trợ kỹ thuật

a) Phối hợp với các bộ, ngành trung ương và các tổ chức có liên quan trong việc hợp tác với các tổ chức quốc tế, đối tác nước ngoài nhằm tiếp nhận, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ và giải pháp kỹ thuật trong quản lý, vận hành hệ thống.

b) Tham gia các hội nghị, hội thảo, chương trình hợp tác, trao đổi kinh nghiệm do các bộ, ngành trung ương và các tổ chức trong nước, quốc tế tổ chức nhằm nâng cao năng lực quản lý và triển khai tại địa phương.

c) Khuyến khích, thu hút các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia đầu tư, cung cấp giải pháp công nghệ, dịch vụ liên quan đến xây dựng và phát triển hệ thống.

d) Phối hợp triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc đáp ứng yêu cầu của thị trường xuất khẩu, góp phần tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại nông sản.

e) Tăng cường trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ kỹ thuật trong kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, góp phần nâng cao uy tín và năng lực cạnh tranh của nông sản tỉnh.

4. Tuyên truyền, phổ biến, đào tạo và tập huấn

a) Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và người tiêu dùng về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của truy xuất nguồn gốc nông sản; triển khai thông qua hội nghị, hội thảo, cổng thông tin điện tử và các phương tiện truyền thông.

b) Phối hợp với Đài Truyền hình Trung ương; Báo và Phát thanh - truyền hình tỉnh, các cơ quan báo chí trung ương, địa phương xây dựng các chuyên mục, phóng sự, tọa đàm chương trình truyền hình và các sản phẩm truyền thông đa phương tiện nhằm tuyên truyền, phổ biến lợi ích, vai trò, trách nhiệm của các bên tham gia Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản; hướng dẫn nhận diện và tra cứu thông tin truy xuất nguồn gốc nông sản.

c) Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng nhận diện sản phẩm an toàn, chất lượng và hiểu biết về chuỗi giá trị cho tổ chức, doanh nghiệp và người tiêu dùng.

d) Đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, hội thảo, hội nghị nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và người tiêu dùng nhận thức rõ về lợi ích của việc công khai, minh bạch thông tin, truy vết thông tin sản phẩm hàng hóa nông sản

e) Phổ biến các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; hướng dẫn doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, đơn vị cung cấp dịch vụ trong việc xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc; bảo đảm chuẩn hóa và minh bạch thông tin.

(Chi tiết các nhiệm vụ theo Phụ lục kèm theo)

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; lồng ghép với kinh phí từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan; đồng thời huy động các nguồn vốn hợp pháp khác của các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tham gia thực hiện. Trong đó, nguồn ngân sách nhà nước được sử dụng để: Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý, tài liệu hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc; đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng kết; chuẩn hóa/thuê/nâng cấp và mở rộng hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản tại tỉnh.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch truy xuất nguồn gốc nông sản trên địa bàn tỉnh theo nội dung Quyết định số 25/QĐ-BNNMT; xây dựng kế hoạch chi tiết hằng năm, lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo quy định; định kỳ tổ chức đánh giá sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch; báo cáo tổng hợp và đề xuất biểu dương, khen thưởng theo quy định.

b) Chủ trì xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản của tỉnh; hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân tham gia; Chủ trì lựa chọn sản phẩm ưu tiên, xây dựng mô hình điểm, tổ chức đánh giá, sơ kết, tổng kết và nhân rộng mô hình hiệu quả.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc.

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường hướng dẫn triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện trên địa bàn.

e) Hướng dẫn áp dụng tem, nhãn và các giải pháp công nghệ trong truy xuất nguồn gốc; hỗ trợ xây dựng, nhân rộng các mô hình sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản có áp dụng truy xuất nguồn gốc.

f) Tổng hợp tình hình triển khai, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường; đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong triển khai thực hiện.

2. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, căn cứ khả năng cân đối ngân sách tỉnh, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

3. Sở Y tế

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan triển khai truy xuất nguồn gốc đối với thực phẩm thuộc phạm vi quản lý; đưa nội dung truy xuất nguồn gốc vào trong công tác quản lý an toàn thực phẩm; phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý tham gia Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản.

b) Kiểm tra an toàn thực phẩm, giám sát việc thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý; cung cấp, chia sẻ thông tin phục vụ công tác truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản.

4. Sở Công Thương

Phối hợp triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng truy xuất nguồn gốc; gắn với xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, xây dựng thương hiệu và kết nối tiêu thụ sản phẩm.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và các giải pháp kỹ thuật phục vụ truy xuất nguồn gốc; hỗ trợ xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan.

6. Sở Du lịch

Phối hợp quảng bá, giới thiệu các nông sản thực phẩm có truy xuất nguồn gốc gắn với phát triển du lịch; khuyến khích sử dụng nông sản thực phẩm có truy xuất nguồn gốc trong hoạt động du lịch.

7. Sở Văn hóa và Thể thao

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên báo chí, các phương tiện thông tin đại chúng và tài khoản mạng xã hội chính thức của cơ quan, đơn vị về vai trò, ý nghĩa của truy xuất nguồn gốc nông sản.

8. Sở Nội vụ

Phối hợp tham mưu lồng ghép nội dung truy xuất nguồn gốc trong các phong trào thi đua; thực hiện công tác khen thưởng theo quy định.

9. Công an tỉnh

Phối hợp trong công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến gian lận nguồn gốc, xuất xứ, tem nhãn và truy xuất nguồn gốc nông sản.

10. Báo và Phát thanh - Truyền hình Ninh Bình

Tăng cường tuyên truyền về chủ trương, chính sách và các mô hình truy xuất nguồn gốc; xây dựng các chuyên mục, chương trình truyền thông nâng cao nhận thức.

11. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Xây dựng kế hoạch triển khai tại địa phương; tổ chức tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất thực hiện ghi chép, cập nhật thông tin phục vụ truy xuất; phối hợp kiểm tra, giám sát.

c) Lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án và nguồn hợp pháp khác để triển khai thực hiện.

d) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Môi trường*) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP3.

L/VP3/NN/2026/KH03

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng